

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG, VẬT CHẤT KỸ THUẬT PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÁC TỈNH TÂY BẮC

NGUYỄN XUÂN HÒA

Tóm tắt: Các tỉnh Tây Bắc rất giàu tiềm năng về tài nguyên du lịch cả về du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn. Tuy nhiên, các dạng tài nguyên này vẫn nằm ở dạng tiềm năng do điều kiện giao thông gặp nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật của khu vực như hạ tầng ngành cấp điện, nước, vệ sinh môi trường, cơ sở lưu trú... còn nhiều yếu kém. Trong đó, hệ thống giao thông được ví như huyết mạch kết nối các điểm du lịch của vùng vẫn còn nhiều khó khăn. Vì vậy, để có thể khai thác phát triển ngành du lịch các tỉnh Tây Bắc nhằm xoá đói, giảm nghèo, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử của vùng; trước hết cần có sự đầu tư lớn về hệ thống giao thông đường bộ, đường không, đường thủy để du khách có thể dễ dàng tiếp cận được các khu, điểm du lịch của địa phương.

Từ khóa: Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật, du lịch, Tây Bắc

ASSESSMENT OF THE CURRENT TECHNICAL INFRASTRUCTURE FOR TOURISM DEVELOPMENT IN NORTHWESTERN PROVINCES

Abstract: The Northwest provinces are rich in tourism potential, including natural tourism and humanitarian tourism. However, these types of resources are still undeveloped due to difficult conditions of transport, infrastructure, technical facilities as well as poor supply of electricity, water, poor hygiene, environment and accommodation. The transport system considered as the lifeline to connect the tourist attractions of the region is still undeveloped at present. Therefore, in order to exploit the development of the tourism industry in the Northwestern provinces to eliminate hunger, reduce poverty, preserve and promote the cultural and historical values of the region, first of all, it is necessary to have a large investment in the transport system by road, air and water so that tourists can easily access the local tourist sites and spots.

Keywords: Infrastructure, technical materials, tourism, Northwest

1. Đặt vấn đề

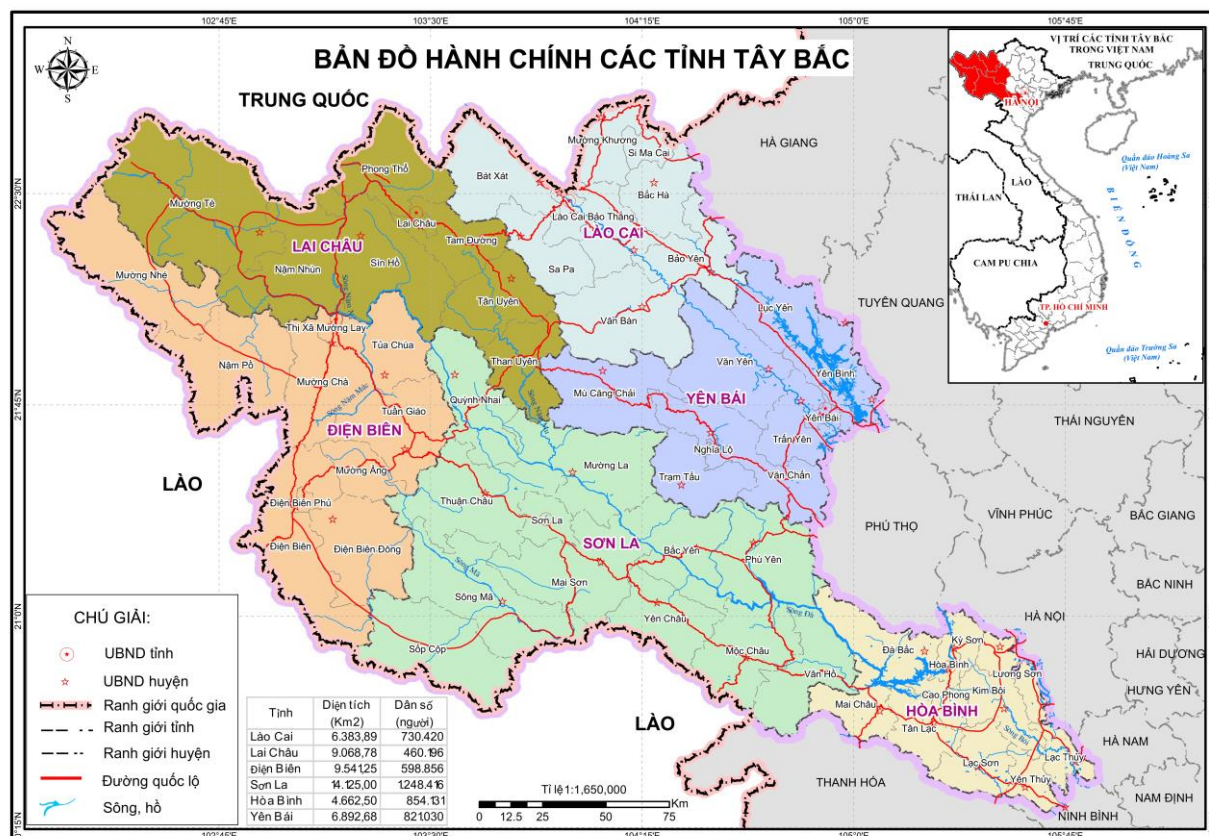
Vùng Tây Bắc gồm có 6 tỉnh Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái (Tổng cục Du lịch Việt Nam), trong đó có 4 tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai có hơn 1.173 km đường biên giới với Lào và Trung Quốc. Tổng diện tích tự nhiên của các tỉnh Tây Bắc hơn 50.607,99 km², tổng số dân năm 2019 là 3.858.918 người (hình 1), tỉnh có dân số đông nhất là Sơn La (1.248.416 người) và tỉnh có dân số ít nhất là Lai Châu (460.196 người).

Tây Bắc có đặc điểm địa hình phức tạp, chia cắt mạnh tạo nên sự đa dạng về các điều kiện tự

nhiên, đa dạng sinh thái, văn hoá... từ vùng núi cao đến các vùng gò đồi, thung lũng lớn. Đặc điểm địa hình, khí hậu đặc trưng của vùng đã tạo ra nhiều dạng cảnh quan có vẻ đẹp tự nhiên khác nhau, từ mái nhà của Đông Dương đỉnh Phan Xi Păng, khí hậu ôn đới núi cao của Sa Pa, cho tới vùng cao nguyên Mộc Châu nổi tiếng với các đồi chè xanh ngát, danh thắng quốc gia ruộng bậc thang Mù Cang Chải, hay vùng địa hình thấp có lòng hồ thủy điện Hoà Bình, Thác Bà, vùng thung lũng ẩn chứa nhiều nét văn hoá của dân tộc Thái ở thung lũng Mường Lò (Nghĩa Lộ), Mai Châu, dân tộc Mường ở Mường Bi, Mường Vang...

Vùng Tây Bắc có trên 20 dân tộc thiểu số. Tổng thể về phân bố cư dân và các vùng cảnh quan có thể thấy ở vùng thung lũng lòng chảo thấp hay vùng bồn địa giữa núi, trước núi là nơi sinh sống của các cư dân Thái, Mường, Lào, Lự; trong đó người Mường chủ yếu cư trú ở vùng

phía Nam của Tây Bắc. Vùng rẻo giữa hay vùng sườn núi là nơi cư trú của các tộc người nói ngôn ngữ Môn-Khmer như Khơ Mú, Mảng, Kháng, Xinh Mun. Vùng rẻo cao là nơi cư trú của các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Mông - Dao, Tạng Miến.



Hình 1. Bản đồ hành chính các tỉnh vùng Tây Bắc

Nguồn: Phòng Bản đồ - Viễn thám và GIS, Viện Địa lý nhân văn

Tuy nhiên, các đặc điểm cảnh quan thiên nhiên, nét văn hoá của vùng vẫn còn nằm ở dạng tiềm năng, mức độ khai thác để phát triển du lịch còn nhiều hạn chế mà nguyên do chủ yếu là hệ thống cơ sở hạ tầng. Đặc biệt là hệ thống giao thông đường bộ còn gặp nhiều khó khăn, hay bị sạt lở, ách tắc trong mùa mưa lũ, đường hàng không chỉ còn duy trì một cảng hàng không Điện Biên, đường thuỷ khai thác hạn chế do hầu hết các lòng sông trong vùng có địa hình hiểm trở.

Ngoài ra, các tỉnh vùng Tây Bắc có tỷ lệ hộ nghèo ở mức cao so với cả nước, chiếm khoảng

18% tổng số dân của vùng (2018). Một số tỉnh như: Lai Châu, Sơn La, Điện Biên, Yên Bái, Hòa Bình sức hút đầu tư kém dẫn đến tỷ trọng đầu tư trong nước và nước ngoài còn rất thấp...

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn dành sự quan tâm đặc biệt về nguồn lực và cơ chế, chính sách cho phát triển vùng Tây Bắc. Nhiều chương trình, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng đã được triển khai góp phần đưa vùng Tây Bắc hôm nay phát triển toàn diện hơn, tạo thêm tiềm năng và những cơ hội mới cho hợp tác, đầu tư phát triển vùng. Tuy nhiên, hệ thống cơ sở hạ

tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch như giao thông, nước sạch, điện, viễn thông, tài nguyên, vệ sinh môi trường... nhất là hệ thống giao thông được ví như mạch máu trong sự phát triển ngành du lịch các tỉnh Tây Bắc vẫn đang gặp nhiều khó khăn, thách thức, trở ngại lớn trong việc đưa, đón khách du lịch và kết nối linh hoạt các khu, điểm du lịch của toàn vùng [12,13,14].

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu

Cơ sở dữ liệu của bài báo dựa trên kết quả thu thập, phân tích dữ liệu của đề tài nghiên cứu cấp bộ của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch “Xây dựng mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh cho vùng Tây Bắc” do Tổng cục Du lịch thực hiện. Nguồn cơ sở dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua phương pháp khảo sát thực địa tại Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch các tỉnh vùng Tây Bắc; Niên giám thống kê các tỉnh Tây Bắc từ năm 2017 đến 2019; cổng thông tin điện

từ các tỉnh Tây Bắc và cơ sở dữ liệu được kế thừa từ các đề tài, dự án nghiên cứu trước đó.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chủ yếu được tác giả sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp tổng hợp và phân tích tư liệu: trên cơ sở các tài liệu thu thập được, tác giả tiến hành nghiên cứu, phân tích các nội dung về phát triển du lịch ở các tỉnh Tây Bắc, đặc biệt là về cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch tại các tỉnh Tây Bắc.

Ngoài ra, nghiên cứu này cũng sử dụng phương pháp khảo sát thực địa tại các tỉnh Tây Bắc để tìm hiểu về hiện trạng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Trên cơ sở đó, các thông tin được hiệu chỉnh để chuẩn hóa nhằm đưa ra các giải pháp, định hướng phát triển du lịch các tỉnh Tây Bắc.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Vị trí ngành du lịch trong nền kinh tế các tỉnh Tây Bắc

Bảng 1. Tài nguyên du lịch nổi bật tại các tỉnh Tây Bắc

TT	Địa phương	Tài nguyên du lịch tự nhiên	Tài nguyên du lịch nhân văn	
			<i>Di tích lịch sử, văn hoá cộng đồng</i>	<i>Lễ hội</i>
1	Lào Cai	Khu du lịch Sa Pa, Bắc Hà, Y Tý (Bát Xát)	Cộng đồng dân tộc Cát Cát, Tả Van, Tả Phìn, Bản Hồ, đền Bảo Hà	Xuống đồng (Tày, Dao), Gầu Tào (Mông), hội Lồng Tồng (Tày), lễ hội đền Bảo Hà
2	Yên Bái	Danh thắng quốc gia ruộng bậc thang Mù Cang Chải, khu du lịch Thác Bà	Vùng văn hoá Nghĩa Lộ - Mường Lò – Tú Lệ - Mù Cang Chải	Ruộng bậc thang Mù Cang Chải, đền mẫu Thác Bà, lễ hội Hoa Ban – Mường Lò
3	Lai Châu	Cầu kính Tam Đường, núi Putaleng, thác Tình	Bản Bon, Sin Suối Hồ, bản Vàng Pheo, Sì Thâu Chải, chợ phiên Tam Đường, chợ San Thàng	Lễ hội Hoa Ban – Lai Châu, lễ hội Nàng Han, Xên Mường
4	Điện Biên	Hồ Pá Khoang, điểm cực Tây của Việt Nam, khoáng nóng U va, hang động Pa Thơm	Quần thể di tích Điện Biên Phủ, căn cứ chỉ huy Mường Phăng, hồ Pa Khoang	Lễ kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ, Lễ hội Hoa Ban – Điện Biên, Lễ hội thành Bản Phủ
5	Sơn La	Cao nguyên Mộc Châu, thủy điện Sơn La	Nhà tù Sơn La, bản Mòng, Hồng Ngài, Xím Vàng	Lễ hội Cầu An, Lễ Tết độc lập (Mông)
6	Hoà Bình	Thung lũng Mai Châu, thủy điện Hoà Bình, suối khoáng Kim Bôi, Thung Nai	Bản Lác, Giang Mỗ, Đá Bia, Pom Cọng	Xuống đồng, Sắc Bùa (Mường), lễ hội đền Thác Bờ

Dựa vào tài nguyên du lịch sẵn có, các tỉnh vùng Tây Bắc đã bước đầu xây dựng được một số sản phẩm du lịch đặc thù, hấp dẫn. Một vài khu, điểm, tuyến du lịch đã được đầu tư xây dựng và khai thác có hiệu quả như khu du lịch Sa Pa, Mù Cang Chải, du lịch hồ Hoà Bình, khu du lịch Mộc Châu, Điện Biên Phủ. Một số loại hình du lịch bước đầu khẳng định được thương hiệu của vùng Tây Bắc như du lịch nghỉ dưỡng núi cao, du lịch dù lượn, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Nhiều bản, làng du lịch cộng đồng được hình thành và gây ấn tượng tốt đẹp với du khách, vừa làm đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, vừa góp phần tạo việc làm và thu nhập bền vững [3,7,9].

Công tác quản lý nhà nước về du lịch được đẩy mạnh, bước đầu thu hút và huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho du lịch. Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật du lịch các tỉnh vùng Tây Bắc từng bước được đầu tư, nâng cấp như hệ thống đường bộ, các khu vui chơi giải trí, các khu du lịch chất lượng cao, các khách sạn cao cấp, dần nâng cao hình ảnh và năng lực cạnh tranh du lịch của vùng [2,7].

Lai Châu: Trong những năm qua, ngành Du lịch tỉnh Lai Châu có một số chuyển biến tích cực. Tổng lượt khách, tổng doanh thu đều tăng qua các năm, giai đoạn 2016-2020 thu hút trên 1,3 triệu lượt người, bình quân tăng gần 15%/năm, tổng doanh thu ước đạt 1.933 tỷ đồng. Lai Châu có 16 điểm du lịch được công nhận. Một số dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch đã hoàn thành và đi vào khai thác thu hút du khách trong và ngoài tỉnh như: Sin Suối Hồ, Sì Thâu Chải, Nà Khương, Gia Khâu, San Thàng; khu du lịch sinh thái đỉnh đèo Hoàng Liên Sơn; du lịch Thác Trắng đèo Hoàng Liên Sơn [5,13].

Điện Biên: Năm 2019 đón khoảng 845 ngàn lượt khách, tăng 19,9% so với năm 2018. Trong đó khách quốc tế là 183 ngàn lượt, tăng 21,2% so với năm 2018. Tổng thu từ hoạt động du lịch đạt trên 1.366 tỷ đồng, tăng 18,3% so với năm

2018. Du lịch đã giải quyết việc làm cho trên 14 ngàn lao động trong toàn tỉnh, trong đó có khoảng 6 ngàn lao động trực tiếp và 8 ngàn lao động gián tiếp [2].

Yên Bái: Năm 2019, tiếp tục là năm thành công của du lịch Yên Bái. Lần đầu tiên Yên Bái đón trên 700.000 lượt khách du lịch, trong đó có 150.000 lượt khách quốc tế với doanh thu từ các hoạt động du lịch lên tới trên 420 tỷ đồng, các sản phẩm du lịch và dịch vụ ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu của du khách [10].

Lào Cai: Ngành du lịch tỉnh Lào Cai cũng đạt được mức tăng trưởng theo từng năm, năm sau cao hơn năm trước. Năm 2019 đạt 5.106,9 nghìn lượt, tăng 20,2% so với cùng kỳ. Trong đó khách quốc tế đạt 806,1 nghìn lượt; khách nội địa đạt 4.300 nghìn lượt; tổng thu khách quốc tế đạt 5.441,2 tỷ đồng; tổng thu khách nội địa đạt 13.761,9 tỷ đồng [7].

Hoà Bình: Năm 2019 tỉnh Hoà Bình đón 3,1 triệu lượt du khách, tổng thu từ hoạt động du lịch đạt khoảng 2.075 tỷ đồng. Năm 2020, ngành Du lịch tỉnh Hoà Bình bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid – 19 do đó lượng khách tới Hoà Bình chỉ đạt 60% kế hoạch năm, tổng lượt khách du lịch đạt 1.980.000 lượt khách (trong đó khách quốc tế 280.000 lượt; khách nội địa 1.700.000 lượt); Tổng thu từ khách du lịch 1.475 tỷ đồng, đạt 59% kế hoạch năm [3].

Sơn La: Năm 2019 tỉnh Sơn La đón 2.500.000 lượt khách du lịch, trong đó khách quốc tế 110.000 lượt, tổng doanh thu du lịch đạt 1.900 tỷ đồng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, năm 2020 tổng lượng khách du lịch ước 1.718 lượt đạt 67% so với kế hoạch. Doanh thu từ hoạt động du lịch là 1.245 tỷ đồng, đạt 64% so với kế hoạch [9].

3.2. Hiện trạng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật các tỉnh Tây Bắc

Hệ thống giao thông

Hệ thống đường bộ của Khu vực được quy hoạch chiến lược như những bộ phận của các

khu vực kinh tế then chốt phía bắc, trong đó tất cả các thị xã và các trung tâm đô thị quan trọng được kết nối với nhau. Đường cao tốc từ Hà Nội đến Lào Cai qua Việt Trì và Yên Bái được ưu tiên như đường trục chính cho hoạt động buôn bán qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc và kết nối một số khu du lịch của tỉnh Yên Bái, Lào Cai dọc theo tuyến đường [19,21].

Các quốc lộ chính chạy qua vùng Tây Bắc được chia làm hai nhóm: nhóm quốc lộ chạy theo hướng Bắc Nam gồm các đường số 6, 12, 32, 70, hướng về thủ đô Hà Nội và một nhóm quốc lộ khác chạy theo hướng Đông - Tây gồm các đường số 4D, 279, 37.

Các đường bộ ở bờ phải và bờ trái sông Đà được xây dựng kết nối với một số cảng mới sẽ được hình thành ở các hồ chứa Hoà Bình, Sơn La đóng vai trò to lớn trong việc thúc đẩy các hoạt động kinh tế xã hội, an toàn xã hội và an ninh quốc phòng.

Hướng dọc (kinh tuyến): Các quốc lộ số 6 và 12 nối liền 4 tỉnh (Hà Nội, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu) với thủ đô Hà Nội là những tuyến giao thông quan trọng của hệ thống đường trong Vùng. Quốc lộ số 32, 70 và đường sắt Hà Nội - Lào Cai có vai trò hỗ trợ quốc lộ số 6 và 12 xoá bỏ tình trạng độc tuyến của quốc lộ số 6 nối khu vực Tây Bắc với vùng đồng bằng sông Hồng.

Hướng ngang (vĩ tuyến): Quy hoạch tổng thể sẽ kết nối mạng lưới đường của tất cả các đường quốc lộ thuộc các đường vành đai phía bắc, nhằm thiết lập các đường vành đai biên giới và các đường để tránh ngập do xây dựng nhà máy thủy điện Sơn La.

Trong giai đoạn 2010 - 2020 đã đầu tư hoàn thành một số dự án giao thông quan trọng của vùng như: cầu Cốc Lếu, cầu Phố Lu, đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, nâng cấp các quốc lộ QL4H, đường nối QL4C - QL4D, QL279... Nâng cấp cảng hàng không Điện Biên; nâng cao chất lượng, năng lực vận chuyển đối với tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai; cải tạo, nạo vét

luồng lạch, hệ thống đường thủy, cảng tàu nội địa các tuyến Hà Nội - Việt Trì - Lào Cai, tuyến ngã ba sông Hồng - sông Đà - cảng Hoà Bình. Đối với giao thông nông thôn triển khai theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm [4,8,16].

Hai tuyến đường bộ chính kết nối khu vực Tây Bắc với Hà Nội và các tỉnh thành vùng đồng bằng sông Hồng và các tỉnh phía Nam là đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai và Quốc lộ 6. Hiện nay đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai đã đi vào hoạt động được gần 7 năm, nền đường và mặt đường đã xuống cấp; đường quốc lộ 6 còn nhiều đoạn cua tay áo, nhiều sương mù, tầm nhìn hạn chế và thường bị sạt lở trong mùa mưa lũ. Đường hàng không chỉ còn duy nhất cảng hàng không Điện Biên có 2 đường bay nối Hà Nội và Hải Phòng với tần suất thấp và máy bay nhỏ. Tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai có thời gian di chuyển quá dài và không có nhiều đổi mới nên lượng khách đi ngày càng giảm.

Hệ thống điện

Ở các tỉnh Tây Bắc điện khí hóa nông thôn được xác định là điện khí hóa các trung tâm xã hoặc các thôn/bản trung tâm thông qua lưới điện quốc gia hoặc không thông qua lưới điện quốc gia. Theo đó vẫn còn các thôn/bản không được điện khí hóa nằm trong các xã đã được điện khí hóa. Tổng sản lượng điện các tỉnh Tây Bắc rất dồi dào, nguồn cung cấp chủ yếu dựa trên năng lực sản xuất của các nhà máy thủy điện (NMTĐ) lớn và một loạt các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ được hình thành trên các hệ thống sông Đà, sông Hồng, sông Mã.

Tỉnh Yên Bái có 276,1 km đường dây 110 KV gồm 11 đường dây và nhánh rẽ trong đó có 73 km đường dây 110 KV 2 mạch. Với hệ thống mạng lưới điện như hiện nay; có 95,16% số dân được dùng điện lưới quốc gia. Trong đó, ở khu vực thành thị 100% số hộ được sử dụng điện sinh hoạt, ở khu vực nông thôn tỷ lệ này là 94,29% [21].

Bảng 2. Hệ thống cung cấp điện lưới các tỉnh Tây Bắc

TT	Tỉnh	Nguồn cung cấp	Số lượng	Công suất
1	Lai Châu	NMTĐ Lai Châu	1	3x400 MW
		NMTĐ Huội Quảng – Bản Chất	1	520 MW
		NMTĐ quy mô vừa	30	281 MW
2	Điện Biên	NMTĐ quy mô vừa	5	130,4 MW
3	Sơn La	NMTĐ Sơn La	1	6x400 MW
		NMTĐ quy mô vừa	2	442 KW
		Nhà máy sản xuất điện bằng dầu Diesel	6	1364 KVA
4	Hoà Bình	NMTĐ Hoà Bình	1	8x240 MW
		NMTĐ quy mô vừa	10	205 KW
5	Lào Cai	NMTĐ quy mô vừa	40	646 MW
6	Yên Bái	NMTĐ Thác Bà	1	120 MW
		NMTĐ quy mô vừa	27	341 MW

Nguồn: Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Tây Bắc

Tỉnh Lai Châu đã quy hoạch 30 trạm thủy điện quy mô nhỏ và vừa với công suất phát mỗi trạm lên tới 30 MW và tổng công suất điện 281 MW. Thêm vào đó, hàng ngàn trạm thủy điện quy mô siêu nhỏ với công suất 300 - 500 W đang được tỉnh xem xét cho mục tiêu cấp điện. Đến năm 2019, gần như các hộ của tỉnh đã hòa vào lưới điện quốc gia, chỉ còn khoảng vài nghìn hộ sống ở các vùng sâu vùng xa vẫn đang khó có khả năng kết nối điện, đặc biệt là ở khu vực các huyện Mường Tè, Sìn Hồ [18].

Tỉnh Hòa Bình nhận điện từ lưới điện quốc gia thông qua các trạm biến thế 110 KV Hòa Bình, Lạc Sơn và Lương Sơn. Nói chung, các nguồn cung cấp điện năng cho tỉnh Hòa Bình thuộc lưới điện quốc gia, với các điều kiện thuận lợi và có độ tin cậy cao. Hầu hết các hộ gia đình ở Hòa Bình đều có điện lưới sử dụng, những khu dân cư nhỏ nằm xa hệ thống điện lưới quốc gia sử dụng thiết bị thủy điện siêu nhỏ với công suất 0,3 - 0,5 KW/mỗi đơn vị để phục vụ trong gia đình [17].

Tỉnh Điện Biên được cấp điện từ hệ thống điện miền Bắc thông qua các đường dây 110 KV mạch kép Sơn La - Tuần Châu - Thuận Giáo, Tuần Giáo - Lai Châu, Điện Biên - Tuần Giáo, các nhánh rẽ từ các nhà máy thủy điện trên địa

bàn phát vào lưới điện 110 KV đảm bảo đủ điện lưới cho sinh hoạt và sản xuất [16].

Hạ tầng cấp, thoát nước

Tại các tỉnh vùng Tây Bắc hiện nay, hầu hết các vùng đô thị đều có các nhà máy cung cấp nước sinh hoạt, các vùng nông thôn lấy nước từ các khe trong núi, các hồ ao, kênh và các giếng nhỏ ở những nơi công cộng hoặc được lắp đặt tại nhà riêng. Một hình thức khác là thu nước mưa ở các hộ gia đình hoặc từ các máy bơm tay đặt tại nơi công cộng.

Người dân đô thị và nông thôn ở các tỉnh Tây Bắc có tỷ lệ sử dụng nước sạch rất cao, trong đó tỉnh Điện Biên có tỷ lệ người dân đô thị sử dụng nước sạch cao nhất và tỉnh Lào Cai có tỷ lệ người dân ở nông thôn sử dụng nguồn nước sạch cao nhất trong 6 tỉnh vùng Tây Bắc [2,6,8].

Theo báo cáo đánh giá của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch các tỉnh Tây Bắc thì tại hầu hết các điểm du lịch đều được cung cấp đầy đủ hệ thống nước sạch sinh hoạt phục vụ người dân và du khách, duy nhất Khu du lịch quốc gia Sa Pa (tỉnh Lào Cai) vẫn xảy ra tình trạng thiếu nước sạch trong các dịp nghỉ lễ và ngày nghỉ cuối tuần, nhu cầu sử dụng nước sạch trong những dịp này 5500 - 6500 m³/ngày đêm, trong khi đó công suất của Nhà máy xử lý nước Sa Pa chỉ đáp ứng được 80% nhu cầu [14].

Bảng 3. Hệ thống cung cấp nước các tỉnh Tây Bắc

TT	Tỉnh	Nguồn cung cấp				Tỷ lệ người dân đô thị sử dụng nước sạch hợp vệ sinh	Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch hợp vệ sinh
		Nước mặt	Nhà máy xử lý nước	Công suất (m ³ /ngày đêm)	Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn		
1	Lai Châu	Sông Đà	7	34.000	675	95	85
		Suối Nậm Na, Nậm Mu					
2	Điện Biên	Sông Đà, sông Mã	7	-	1.027	99	-
		Hồ Pa Khoang					
3	Sơn La	Sông Đà, sông Mã	12	65.000	-	93	-
		Hồ thủy điện Sơn La					
4	Hoà Bình	Sông Đà	7	-	303	90	91,5
		Hồ thủy điện Hoà Bình					
5	Lào Cai	Sông Nậm Thi	14	71.000	194	95	93
		Suối Ngòi Đum					
6	Yên Bái	Sông Thao, sông Chảy	9	30.200	364	85	89
		Hồ thủy điện Thác Bà					

Nguồn: Báo cáo kinh tế - xã hội các tỉnh Tây Bắc năm 2019

Hệ thống thông tin liên lạc

Tỉnh Yên Bái: Toàn tỉnh hiện có 947 vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS); 100% các xã đã có trạm BTS cung cấp dịch vụ 2G,3G,4G; Cấp quang đã đến 100% trung tâm các xã, cung cấp dịch vụ internet cố định, băng thông rộng đến 80% số thôn, bản trên toàn tỉnh [21].

Tỉnh Lào Cai: Toàn tỉnh có 160 bưu cục, bưu điện văn hóa xã, trong đó có 12 điểm xây mới; 117 xã có bưu điện văn hóa xã; 1443 trạm thu phát sóng; 99% số xã có kết nối cáp quang; 76/143 xã hoàn thành tiêu chí Thông tin và truyền thông về xây dựng nông thôn mới; 100% trung tâm các xã được phủ sóng di động. Mạng truyền dẫn cáp quang được đầu tư đến tất cả 9/9 trung tâm huyện, thành phố [19].

Tỉnh Lai Châu: Toàn tỉnh có 12 bưu cục; 1 tuyến thư cấp I; 3 tuyến đường thư cấp II, 4 tuyến truyền dẫn cáp quang liên tỉnh. Mạng internet băng thông rộng tốc độ cao được triển khai rộng rãi đến 108 xã, phường, thị trấn, tăng 80 xã so với 2010. Hệ thống phát thanh truyền

hình được đầu tư, toàn tỉnh có 11 đài, trạm phát lại truyền hình; 85 đài, trạm phát thanh FM [18].

Cơ sở lưu trú, dịch vụ lữ hành

Tính đến hết năm 2018, trong tổng số 14.453 cơ sở lưu trú du lịch được xếp hạng của 7 vùng du lịch trên cả nước; vùng Trung du và miền núi phía Bắc chỉ có 2.871 cơ sở lưu trú, với 37.610 buồng, chiếm 19,9% số cơ sở lưu trú và 11,8% số lượng buồng. Trong tổng số gần 1.900 cơ sở lưu trú trên toàn vùng, chỉ có 33 cơ sở lưu trú 3 - 5 sao, trong đó chỉ có 6 cơ sở đạt tiêu chuẩn từ 4 - 5 sao.

Theo số liệu của Tổng cục Du lịch, trên địa bàn vùng Trung du và miền núi phía Bắc chỉ có doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế trong tổng số 1.600 doanh nghiệp lữ hành quốc tế trên toàn quốc. Hầu hết các doanh nghiệp kinh doanh du lịch có quy mô nhỏ và siêu nhỏ. Năng lực của các doanh nghiệp còn hạn chế nên thường bị động và phụ thuộc, việc khai thác thị trường thu hút khách vẫn dựa vào các hãng lữ hành gửi khách từ Hà Nội và các trung tâm du lịch khác [15].

Tỉnh Điện Biên: năm 2016 có 145 cơ sở lưu trú, đến năm 2020, số cơ sở lưu trú là 215 với 2.954 buồng/5.139 giường, trong đó có 01 khách sạn 4 sao và 01 khách sạn 3 sao đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận hạng sao; hiện có 01 khách sạn 3 sao, 02 khách sạn 2 sao, 04 khách sạn 1 sao và 20 khách sạn, nhà nghỉ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Số lượng doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành được cấp phép có 04 doanh nghiệp, trong đó có 03 doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế [2].

Tỉnh Sơn La: tính đến hết năm 2019 có 320 cơ sở lưu trú, trong đó có 45 khách sạn (26 khách sạn từ 1 - 2 sao, 05 khách sạn từ 3 - 5 sao và 15 khách sạn đạt tiêu chuẩn), còn lại là nhà nghỉ du lịch và homestay. Công suất sử dụng phòng đạt 62%. Hiện nay, Sơn La đang thiếu những khách sạn có quy mô lớn đạt tiêu chuẩn quốc tế 3 - 4 sao trở lên; nhưng lại thừa những khách sạn có quy mô nhỏ, chất lượng thấp; do vậy chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay [9].

Tỉnh Hoà Bình: năm 2019 có 434 cơ sở lưu trú với 3.611 buồng, trong đó có 06 khách sạn 3 sao, 25 khách sạn 2 sao, 08 khách sạn 01 sao, 238 nhà nghỉ và 157 nhà sàn với trên 4.000 phòng đảm bảo đủ điều kiện tối thiểu về vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch. Hoà Bình chưa có khách sạn đạt tiêu chuẩn 4 - 5 sao; do đó hạn chế khả năng đón khách du lịch cao cấp có khả năng chi trả cao. Phần lớn cơ sở lưu trú du lịch qui mô nhỏ (dưới 50 buồng), hoạt động kinh doanh còn thiếu chuyên nghiệp, hạn chế trong việc đáp ứng nhu cầu của du khách [3].

Tỉnh Lai Châu: năm 2019 có 107 cơ sở lưu trú với hơn 1.900 phòng, trong đó có 03 khách sạn 3 sao, 07 khách sạn 2 sao, 20 khách sạn 01 sao và 77 cơ sở lưu trú đảm bảo đủ điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục

vụ khách du lịch; công suất sử dụng phòng đạt 63%/năm; số ngày lưu trú bình quân đạt 1,8 ngày/người, mức chi tiêu bình quân khách du lịch đạt 1,2 triệu đồng/người; 135 nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống; 04 đơn vị kinh doanh lữ hành, trong đó 2 đơn vị kinh doanh lữ hành quốc tế [5].

Tỉnh Lào Cai: có số lượng cơ sở lưu trú và đơn vị kinh doanh du lịch phát triển mạnh nhất vùng. Năm 2019, toàn tỉnh có 32 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế, 02 doanh nghiệp nội địa. Hệ thống cơ sở lưu trú du lịch phát triển nhanh chóng, chất lượng của các cơ sở lưu trú được nâng cao với nhiều loại hình lưu trú khác nhau, đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách; đặc biệt có khả năng đáp ứng đối tượng khách có khả năng chi trả cao, góp phần tăng tổng thu về du lịch. Cơ sở lưu trú du lịch tỉnh Lào Cai có 1.277 cơ sở với 14.804 buồng; trong đó, có 05 khách sạn 5 sao; 07 khách sạn 04 sao; 54 khách sạn 2 sao; 130 khách sạn 1 sao; 760 nhà nghỉ và 362 cơ sở homestay. Công suất sử dụng phòng đạt khoảng trên 60%/năm. Hệ thống nhà hàng Âu, Á, dịch vụ ẩm thực dân tộc phát triển đa dạng, phong phú. Hàng loạt khu vui chơi giải trí đã và đang được hình thành như: cáp treo Fansipan; Khu du lịch sinh thái Thanh Kim, Hàm Rồng, Cát Cát (Sa Pa); hồ Na Cồ (Bắc Hà), Công viên Nhạc Sơn; các khu tổ hợp dịch vụ, du lịch, vui chơi giải trí, tắm thuốc dân tộc, casino, dịch vụ mua bán hàng thổ cẩm... đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách [7].

Tỉnh Yên Bái: năm 2019 có 221 cơ sở lưu trú du lịch; trong đó có 03 cơ sở đạt tiêu chuẩn 3 sao, 20 cơ sở lưu trú xếp hạng 2 sao và 22 cơ sở đạt hạng 1 sao; 77 cơ sở đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú với tổng số 2.773 buồng, 4.369 giường; 200 hộ gia đình hoạt động homestay trên địa bàn toàn tỉnh; gần 200 nhà hàng ăn uống phục vụ khách du lịch; không có các cơ sở dịch vụ vui chơi giải trí có chất lượng cao. Toàn tỉnh

có 06 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành du lịch, trong đó có 03 doanh nghiệp của tỉnh Yên Bái và 03 văn phòng đại diện của các doanh nghiệp ngoài tỉnh (01 đơn vị lữ hành quốc tế) [10].

3.3. Định hướng phát triển du lịch theo hướng ngành kinh tế mũi nhọn của một số tỉnh Tây Bắc

Lào Cai: Xây dựng du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn là mục tiêu mà Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã đề ra. Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW, tỉnh đặt mục tiêu xây dựng Lào Cai thành điểm du lịch hấp dẫn nhất của vùng Tây Bắc, là một trong những trọng điểm du lịch của Việt Nam. Tỉnh Lào Cai đang hướng tới trở thành tỉnh trọng điểm du lịch và phát triển Sa Pa thành Khu du lịch quốc gia mang tầm quốc tế. Đến năm 2030, du lịch trở thành ngành kinh tế đột phá, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giảm nghèo, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Lai Châu: Tỉnh Lai Châu đã định hướng trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lai Châu khóa XIV (nhiệm kỳ 2020 - 2025): Phát triển du lịch là 1 trong 10 nhiệm vụ trọng tâm, trong đó tập trung xây dựng Chương trình bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc gắn với phát triển du lịch, với mục tiêu phát triển du lịch từng bước trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; là điểm đến an toàn, hấp dẫn vùng Tây Bắc, xây dựng sản phẩm du lịch độc đáo, khác biệt, chuyên nghiệp, bền vững và hội nhập.

Yên Bái: Tỉnh Yên Bái phấn đấu đến năm 2025, du lịch có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế địa phương, trở thành điểm du lịch hấp dẫn, tạo tiền đề đến năm 2030 du lịch Yên Bái trở thành một trong những trung tâm du lịch của vùng. Để thực hiện mục tiêu trên, từ năm 2017 Tỉnh ủy Yên Bái đã đề ra Chương trình hành động số 83-CTr/TU về đẩy mạnh phát triển du

lịch Yên Bái giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025, theo tinh thần của Bộ Chính trị: Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Chương trình hành động hướng du lịch trở thành một ngành kinh tế - dịch vụ tổng hợp, hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch đồng bộ, sản phẩm du lịch có chất lượng cao, năm 2020 khẳng định du lịch có vị trí quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh và phấn đấu đến 2025, ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Một số thách thức, hạn chế cần giải quyết

Để ngành du lịch các tỉnh Tây Bắc có thể hướng tới là một ngành kinh tế mũi nhọn, trước hết cần phải khắc phục một số tồn tại hạn chế sau:

Việc khai thác các tài nguyên du lịch, đặc biệt là tài nguyên du lịch nhân văn chưa được các tỉnh thực hiện có hiệu quả; sản phẩm du lịch *na ná giống nhau*, khách du lịch đi đến đâu cũng “*ngủ nhà sàn, ăn cơm lam, uống rượu cần, xem múa xòe*” hoặc “*uống rượu ngô, xem múa khèn, múa ô*” theo kiểu cải biên mô phỏng dân gian. Một số địa phương khi xây dựng các làng du lịch cộng đồng chưa chú trọng khai thác văn hóa của các tộc người đặc trưng để xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù, tạo sự khác biệt, làm cho sự cạnh tranh diễn ra ngay tại ở các địa phương trong vùng.

Hạn chế lớn nhất đó là giao thông vùng Tây Bắc còn rất nhiều khó khăn, chủ yếu là đường bộ. Hệ thống đường bộ tuy đã được đầu tư nâng cấp, sửa chữa, làm mới nhiều tuyến đường cao tốc, nhưng do là vùng có địa hình hiểm trở lại thường xuyên bị thiên tai tàn phá nên nhiều tuyến đường bị hư hỏng, xuống cấp nhanh.

Hệ thống giao thông đường sắt, đường thủy, đường hàng không có năng lực phục vụ thấp. Giao thông hàng không mới chỉ có sân bay Điện Biên hoạt động, còn sân bay Nà Sản (Sơn La) dừng hoạt động, sân bay Lào Cai và Lai Châu đang ở khâu lập quy hoạch; đường sắt chậm đổi

mới về hạ tầng và dịch vụ; đường thủy nội địa hạn chế vì lòng sông dốc và hẹp, lưu lượng nước mùa khô thấp. Sự khó khăn về giao thông đã làm cho việc đi lại, di chuyển dòng khách du lịch giữa các địa phương, giữa các điểm du lịch không thuận lợi và mất nhiều thời gian.

Đối với vấn đề tài nguyên và môi trường của các tỉnh vùng Tây Bắc, theo kết quả đánh giá về

chỉ số phát triển bền vững về tài nguyên và môi trường của đề tài “Luận cứ khoa học và thực tiễn, đề xuất định hướng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc giai đoạn 2019 - 2025” do Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện được thể hiện theo bảng dưới đây [1].

Bảng 4. Chỉ số phát triển bền vững về tài nguyên và môi trường các tỉnh Tây Bắc

TT	Địa phương	Chỉ số PTBV về tài nguyên và môi trường	Đánh giá
1	Điện Biên	0,16 – 0,33	Kém
2	Lai Châu	0,11 – 0,48	Kém
3	Sơn La	0,51 – 0,63	Trung bình thấp
4	Hoà Bình	0,18 – 0,64	Kém – trung bình
5	Lào Cai	0,53 – 0,71	Trung bình
6	Yên Bái	0,24 – 0,44	Kém

Nguồn: Luận cứ khoa học và thực tiễn, đề xuất định hướng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc giai đoạn 2019 - 2025

Thông qua bảng trên cho thấy: các tỉnh Tây Bắc cần quan tâm đặc biệt đến giải quyết các vấn đề về tài nguyên và môi trường, lưu ý đến công tác thu gom, xử lý chất thải, tăng tỷ lệ che phủ rừng khi chỉ số phát triển bền vững về tài nguyên và môi trường các tỉnh Tây Bắc chủ yếu đạt mức trung bình thấp và kém. Tỉnh Lai Châu có chỉ số thuộc nhóm kém nhất so với các tỉnh vùng Tây Bắc, chỉ số này có xu hướng tăng nhẹ qua từng năm nhưng vẫn nằm ở mức kém, vì vậy tỉnh Lai Châu cần tăng tỷ lệ che phủ rừng, tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch, đầu tư phát triển hệ thống thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh.

Phát triển dự án kết nối hạ tầng, giao thông trong vùng

Trong các năm tới, vùng Tây Bắc triển khai một số dự án giao thông lớn, là tiền đề cho kinh tế - xã hội và du lịch các tỉnh vùng Tây Bắc cất cánh.

Tháng 12/2020 Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc đã được khởi công. Dự án gồm 2 tuyến kết nối: tuyến kết nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai dài khoảng 147

km và tuyến kết nối Nghĩa Lộ (Yên Bái) với cao tốc Nội Bài - Lào Cai dài hơn 51 km [13].

Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Hoà Bình - Mộc Châu (tỉnh Sơn La) có chiều dài 85 km; trong đó, có 49 km trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, 36 km địa bàn huyện Vân Hồ, Mộc Châu (Sơn La). Điểm đầu tại nút giao với quốc lộ 6 tại Km66 + 700 thuộc địa bàn xã Trung Minh, thành phố Hòa Bình (Hòa Bình), điểm cuối tại nút giao với Quốc lộ 43 thuộc địa bàn xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu (Sơn La) [12].

Việc triển khai dự án tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu sẽ kết nối mạng lưới giao thông của 2 tỉnh Sơn La với Hòa Bình và với Thủ đô Hà Nội, tạo điều kiện khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của các địa phương góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của 2 tỉnh. Dự án góp phần đáp ứng nhu cầu vận tải kết nối trung tâm kinh tế, chính trị với các tỉnh Tây Bắc, kết nối các khu vực lân cận và dọc tuyến để tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực này, đặc biệt là sự phát triển Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình và Khu du lịch quốc gia Mộc Châu.

Trong tương lai, tuyến đường cao tốc này sẽ được đầu tư kết nối với tỉnh Điện Biên, tạo điều kiện hạ tầng giao thông đồng bộ kết nối các tỉnh Tây Bắc với thủ đô Hà Nội và các địa phương khác. Đầu tư xây dựng dự án cảng hàng không Sa Pa tại xã Cam Cọn, huyện Bảo Yên. Khi cảng hàng không Sa Pa đi vào hoạt động sẽ rút ngắn khoảng cách đi lại tới khu du lịch Sa Pa và dễ dàng tiếp cận đến một số khu du lịch khác trong vùng Tây Bắc.

Như vậy, việc Chính phủ sớm triển khai một số dự án hạ tầng giao thông sẽ là yếu tố tiên quyết giúp các tỉnh Tây Bắc hoàn thành mục tiêu phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận

Tây Bắc là một vùng có điều kiện tự nhiên thuộc loại đa dạng nhất cả nước, là cái nôi văn hoá của một số cộng đồng dân tộc thiểu số Việt Nam, nhiều dạng cảnh quan thiên nhiên đặc sắc, hùng vĩ, có tiềm năng lớn để khai thác phát triển du lịch.

Tuy nhiên, do đặc điểm địa hình hiểm trở, nhiều núi cao, vực sâu, hệ thống giao thông thường xuyên bị tàn phá bởi thiên tai... Nhiều dạng tài nguyên du lịch vẫn nằm ở dạng tiềm năng, mức độ khai thác hạn chế. Một số khu du lịch như Sa Pa, Mộc Châu có tốc độ tăng trưởng quá nóng, hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở lưu trú chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách du lịch...

Với tiềm năng lớn nguồn tài nguyên du lịch cả về tự nhiên và nhân văn, lãnh đạo các tỉnh Tây Bắc đã lựa chọn phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong thời gian tới vừa đảm bảo xoá đói, giảm nghèo, tăng thêm thu nhập cho người dân đồng thời có thể bảo tồn, phát huy được các giá trị văn hoá, di tích lịch sử, di tích cách mạng, di chỉ khảo cổ... Nút thắt lớn nhất ở đây là phải có được một hệ thống giao thông hoàn chỉnh, tiếp cận khu vực một cách dễ dàng cả về đường bộ, đường không, đường sắt và đường thủy. Ngoài ra, các tỉnh cũng cần phải hoàn thiện hệ thống cấp điện, cấp nước, phát triển hệ thống cơ sở lưu trú từ 3 - 5 sao, khắc phục những hạn chế về phát triển du lịch đang còn tồn tại.

4.2. Khuyến nghị

Nhà nước cần ưu tiên triển khai các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là các dự án phát triển giao thông đã được ghi vốn, có chính sách khuyến khích đầu tư vào phát triển cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch ở các tỉnh Tây Bắc, có nhiều cơ chế đặc thù kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông đường bộ, đường không, đường thủy theo hình thức đối tác công - tư.

Lãnh đạo các tỉnh Tây Bắc cần ưu tiên các dự án có mục đích phát triển cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật của địa phương, các chương trình phát triển nông thôn mới, các chính sách ưu đãi mời gọi các doanh nghiệp đầu tư phát triển lĩnh vực phục vụ du lịch ở địa phương. Đẩy mạnh các chương trình hợp tác, liên kết đối với các trung tâm du lịch lớn của Việt Nam như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

Lời cảm ơn.

Xin chân thành cảm ơn đề tài “Xây dựng mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh cho vùng Tây Bắc” do Tổng cục Du lịch thực hiện đã hỗ trợ các chuyến đi điền dã thu thập tư liệu và cung cấp cơ sở dữ liệu để hoàn thành bài báo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại học quốc gia Hà Nội (2020), *Luận cứ khoa học và thực tiễn, đề xuất định hướng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc giai đoạn 2019 – 2025*.
2. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên (2020), *Kết quả thực hiện nghị quyết 03-nq/tu ngày 23/5/2016 của ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.
3. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Hoà Bình (2020), *Báo cáo kết quả hoạt động du lịch năm 2020 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2021*.
4. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Hoà Bình (2019), *Báo cáo thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh*.
5. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Lai Châu (2019), *Báo cáo kết quả hoạt động du lịch năm 2019 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2020*.
6. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Lai Châu (2019), *Báo cáo thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh*.
7. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai (2019), *Báo cáo tình hình hoạt động du lịch 2019, phương hướng nhiệm vụ năm 2020*.
8. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai (2019), *Báo cáo thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh*.
9. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La (2020), *Báo cáo kết quả hoạt động phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2020, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm phát triển du lịch năm 2021*.
10. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Yên Bái (2019), *Báo cáo kết quả hoạt động du lịch năm 2019 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2020*.
11. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Yên Bái (2019), *Báo cáo thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh*.
12. Tỉnh uỷ Hoà Bình (2020), *Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ tỉnh*
13. Tỉnh uỷ Lai Châu (2020), *Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ tỉnh*
14. Tỉnh uỷ Lào Cai (2020), *Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ tỉnh*
15. Tổng cục Du lịch, cơ sở dữ liệu du lịch <http://thongke.tourism.vn>; đã truy cập ngày 26/2/2021.
16. UBND tỉnh Điện Biên (2018 – 2020), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh các năm 2018 – 2020*
17. UBND tỉnh Hoà Bình (2018 – 2020), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh các năm 2018 – 2020*
18. UBND tỉnh Lai Châu (2018 – 2020), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh các năm 2018 – 2020*
19. UBND tỉnh Lào Cai (2018 – 2020), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh các năm 2018 – 2020*
20. UBND tỉnh Sơn La (2018 – 2020), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh các năm 2018 – 2020*
21. UBND tỉnh Yên Bái (2018 – 2020), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh các năm 2018 – 2020*

Thông tin tác giả:

Nguyễn Xuân Hòa - Viện Địa lý nhân văn
Địa chỉ: số 1, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.
Email: hoacodeco@yahoo.com

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 18-01-2021
Biên tập: 03-2021